

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Bà Lữ Phúc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng G**, sinh năm 1967 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần Hoàng G trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1994 ông và bà Nguyễn Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Qua thời gian chung sống ông và bà Th bất đồng quan điểm nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi với nhau. Đến năm 2005 ông và bà Th sống ly thân với nhau, mặc dù cha mẹ hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng ông và bà Th vẫn không thể chung sống với nhau hòa thuận được bởi nguyên nhân do bất đồng quan điểm giữa hai vợ chồng nên ông và bà Th không có tiếng nói chung. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt nên ông

yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị Th có 02 người con chung, gồm: Trần Chí L, sinh năm 1994 và Trần Cẩm Đ, sinh năm 1997, có thể chất phát triển bình thường, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, hiện các con đang sống với ông. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng nuôi con mặc dù hai con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị Th không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Thị Th không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Nguyễn Thị Th được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà Th không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Hoàng G. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn ông Trần Hoàng G có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Th vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của bà Th về yêu cầu ly hôn của ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Hoàng G và bà Nguyễn Thị Th là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Th vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng G và bà Nguyễn Thị Th tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1994, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo ông Trần Hoàng G trình bày thì nguyên nhân dẫn đến ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Th là do trong quá trình chung sống ông Trần Hoàng G và bà Nguyễn Thị Th bất đồng quan điểm nên có nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, đến năm 2005 ông G và bà Th sống ly thân cho đến nay, mặc dù cha mẹ hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng ông G và bà Th vẫn không thể chung sống với nhau hòa thuận được, vợ chồng không có tiếng nói chung, tại phiên tòa ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Th. Đối với bà Nguyễn Thị Th trong quá trình tố tụng, bà Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông G, như vậy bà Th đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với ông G. Xét thấy, ông Trần Hoàng G và bà Nguyễn Thị Th chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông G và bà Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Hoàng G và bà Nguyễn Thị Th có 02 người con chung, gồm: Trần Chí L, sinh năm 1994 và Trần Cẩm Đ, sinh năm 1997, có thể chất phát triển bình thường, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, hiện các con đang sống với ông G. Sau khi ly hôn, ông G có nguyện vọng được nuôi con mặc dù các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, các con của ông G và bà Th đã trưởng thành, có thể chất phát triển bình thường, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân, ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Hoàng G và bà Nguyễn Thị Th.
2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Trần Hoàng G phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005800 ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Hoàng G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền